

Bản án số: 155/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 194/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Y, nơi cư trú: #453 Beonji Jedong-ri, Daesn-myeon, Euichang-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc.

- *Bị đơn:* Anh Cao Xuân N, nơi ĐKKHKT: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: Số 4/315 Đà N, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) của nguyên đơn - chị Kim Y, bản tự khai của bị đơn - anh Cao Xuân N thống nhất trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Kim Y kết hôn với anh Cao Xuân N trên cơ sở tự nguyện của hai bên, tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Yangsan-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc ngày 11 tháng 6 năm 2021, ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 20 tháng 7 năm 2021. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được

tiếng nói chung do khác biệt lớn về tư tưởng, lối sống, tính cách, văn hóa. Hơn nữa sau khi kết hôn, anh Nhân không sang được Hàn Quốc khiến vợ chồng không gặp được nhau. Do xa cách về địa lý nên vợ chồng dần lạnh nhạt, nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể hòa giải. Nay anh chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N đều xác nhận không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Kim Y và anh Cao Xuân N đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh chị giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện, bản tự khai và không có sự thay đổi nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Nguyên đơn chị Kim Y hiện nay đang sinh sống ở Hàn Quốc, bị đơn anh Cao Xuân N hiện nay đang làm việc, sinh sống ở thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Yangsan-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc ngày 11 tháng 6 năm 2021, ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 20 tháng 7 năm 2021, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng thường xảy ra xích mích, mâu thuẫn về tư tưởng, lối sống, tính cách, văn hóa. Mặt khác, do sự xa cách về địa lý (chị Kim Y sinh sống ở Hàn Quốc, anh Cao Xuân N sinh sống ở Việt Nam) nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Kim Y và

anh Cao Xuân N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Kim Y được ly hôn với anh Cao Xuân N.

[4] Về con chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim Y là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Kim Y được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kim Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Y được ly hôn với anh Cao Xuân N.
2. Về con chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Kim Y và anh Cao Xuân N không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Kim Y phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000019 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Kim Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Kim Y (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Cao Xuân N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phích